TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 25/9/2018.
"V/v: Kiện tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế H và ông Y Nik Êban.
- *Thư ký phiên toà:* Ông Y Kăn Niê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Quế - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2018/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018. Về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST–HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST–HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2018.

Giữa các đương sự:
*__Nguyên đơn__: Bà Tạ Thị C, sinh năm 1970.
Trú tại: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*
*__Bị đơn__: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1969.
Trú tại: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn T quyết định xây dựng gia đình với nhau vào khoảng tháng 06 năm 1990 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/7/1990. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm đầu, đến năm 1996 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi nên dần không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hòa giải nên vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Tôi ở lại Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sinh sống, làm ăn, còn ông Trần Văn T đi thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống, làm ăn và từ đó hai vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc hay chăm sóc nhau. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Qúa trình sống chung tôi và ông Trần Văn T có 01 con chung, cháu tên là Trần Thị H, sinh ngày 15/6/1995. Hiện nay, cháu H đã trên 18 tuổi, đã sống tự lập được vì vậy cháu có nguyện vọng ở với bố hay ở với mẹ là do cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Tạ Thị C quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/7/1990. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả. Đến năm 2011, vì điều kiện kinh tế khó khăn, tình cảm bất hòa không ai chịu nhường nhịn ai nên tôi quyết định vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống, làm ăn cho đến nay. Nay bà Tạ Thị C làm đơn khởi kiện xin ly hôn tôi không đồng ý, tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Qúa trình chung sống tôi và bà Tạ Thị C có 01 con chung, cháu tên là Trần Thị H, sinh ngày 15/6/1995. Hiện nay, cháu H đã trên 18 tuổi, vì vậy cháu có nguyện vọng ở với bố hay ở với mẹ là do cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết các bên không tự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2018, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án, tuy nhiên bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Tạ Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà C với ông T đã không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2010 cho đến nay, các bên không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị C.

- Về con chung: Hiện nay, con chung đã trên 18 tuổi, đã sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đơn khởi kiện của bà Tạ Thị C đề ngày 29/3/2018, cũng như qua nội dung yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về ly hôn"*. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] V*ề quan hệ hôn nhân*: Bà Tạ Thị C và ông Trần Văn T quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/7/1990, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi các bên sinh sống đã xác định: Sau khi ông T, bà C về chung sống với nhau, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống cũng như công việc làm ăn, thường hay cự cãi, xúc phạm, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt rồi xa lánh dần. Từ năm 2010 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không liên lạc, không quan tâm hay chăm sóc nhau.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Thị C với ông Trần Văn T đã không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2010 cho đến nay, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Tạ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn T và đồng thời không chấp nhận nguyện vọng xin về đoàn tụ của ông Trần Văn T.

[4] *Về con chung*: Trong quá trình sống chung ông T, bà C có 01 con chung, cháu tên Trần Thị H, sinh ngày 15/06/1995. Hiện nay, con chung đã trên 18 tuổi, nguyện vọng ở với ai là do con chung tự quyết định, nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và công nợ:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà Tạ Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Hiện nay, con chung đã trên 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí**: Bà Tạ Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003364, ngày 30/3/2018.

Nguyên đơn bà Tạ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã D, H.C, T.Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Trí Lý